TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 20-6-2018.
V/v: *"Tranh chấp ly hôn về tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoài Đức Huệ

2. Bà Trần Thanh Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trúc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Hùng Chinh -Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 297/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 05 năm 2018 về "*Tranh chấp ly hôn về tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Cao Văn L, sinh năm 1991(có mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị Y K, sinh năm 1990(có mặt)

Địa chỉ: khu A, ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/5/2018, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn anh Cao Văn L trình bày:

Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung, thay đổi, không rút một phần hay toàn bộ yêu cầu khởi kiện, anh yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Y K yêu thương, cưới nhau từ năm 2010 nhưng không có đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật. Sau khi cưới nhau, anh và chị K chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi vả về vấn đề kinh tế, tính tình không hợp nhau. Vợ chồng đã ly thân được 01 năm nay không có bàn bạc đoàn tụ. Nay anh nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với chị K nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị K là vợ chồng.

- Về con chung: anh và chị K chung sống có 01 con chung là cháu Cao Thiên K, sinh ngày 05/01/2011. Hiện nay cháu K đang sống cùng với chị K. Nếu Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị K là vợ chồng, anh xin giao con chung cho chị K nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Hiện nay anh đang làm tài xế, thu nhập hàng tháng là 6.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** *Theo biên bản tự khai ngày 10/5/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa bị đơn chị Trần Thị Y K trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và hoàn cảnh tiến tới hôn nhân như anh L trình bày là đúng. Chị và anh Cao Văn L yêu thương, cưới nhau từ năm 2010 nhưng không có đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật. Sau khi cưới nhau, chị và anh L sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vả. Nay anh L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh L là vợ chồng, chị đồng ý.

- Về con chung: Chị và anh L chung sống có 01 con chung là cháu Cao Thiên K, sinh ngày 05/01/2011. Hiện nay cháu K đang sống cùng với chị tại nhà cha mẹ ruột của chị ở xã Đ. Nếu tòa án không công nhận chị và anh L là vợ chồng, anh L giao cháu K cho chị nuôi dưỡng, chị đồng ý. Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, chị đồng ý. Hiện chị đang làm công nhân tại công ty Hwasueng Vina tại khu công nghiệp Nhơn Trạch, thu nhập hàng tháng gần 7.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Cao Văn Long, đề nghị Tòa án tuyên bố "Không công nhận quan hệ vợ chồng" giữa anh Cao Văn Long và chị Trần Thị Y Khoa.

Về con chung: giao con chung cháu Cao Thiên K, sinh ngày 05/01/2011 cho chị K nuôi dưỡng, anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh L khởi kiện yêu cầu ly hôn chị K, anh L và chị K đều cư trú tại tại huyện Nhơn Trạch, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân cấp huyện nên Toà án nhân dân huyện Nhơn Trạch thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Anh L và chị K chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên anh L có đơn ly hôn. Xét thấy, việc anh L, chị K chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án tuyên bố "Không công nhận quan hệ vợ chồng" giữa anh Cao Văn L và chị Trần Thị Y K.

[4] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Cao Thiên K, sinh ngày 05/01/2011. Các đương sự thỏa thuận giao cháu Cao Thiên K cho chị Trần Thị Y K nuôi dưỡng, anh Cao Văn L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Toà án đã tiến hành ghi lời khai cháu K và cháu có nguyện vọng được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giao cháu Cao Thiên K cho chị K nuôi dưỡng và anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

[5] Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh L, chị K không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Cao Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, Điều 53 và Điều 57 Điều 81; 82; 83; 84; 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/NQ-UBTVQH; Nghị quyết 326/2016/NQ.HĐTP ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Cao Văn L và chị Trần Thị Y K.

[2] Về con chung: Xử giao con chung là cháu Cao Thiên K, sinh ngày 05/01/2011 cho chị Trần Thị Y K được quyền nuôi dưỡng, anh Cao Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn anh L vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Cao Văn L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân, gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 003659 ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Anh L còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Các đương sự anh L, chị K được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND (1),
- Chi cục THADS (1),
- UBND xã Phước Thiền (1)
- Đương sự (2),
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thanh Phong